

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỐNG NHẤT  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 31-8-2020

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Thùy Trang

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Huỳnh Thị Châu

Ông Trần Đại Nghĩa

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đinh Thị Tuyết Hạnh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà Ngô Phương Hoàng Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại Hội trường B - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 180/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị Sơn Tr sinh năm 1986

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 45/4E, ấp Võ D1, xã Gia K, huyện Thống N, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Số 101B, ấp Phúc N1, xã Gia T3, huyện Thống N, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

**2. Bị đơn:** Anh Nguyễn Duy T sinh năm 1988

Nơi cư trú: Số 45/4E, ấp Võ D1, xã Gia K, huyện Thống N, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 5 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - chị Phạm Thị Sơn Tr trình bày:***

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Sơn Tr và anh Nguyễn Duy T quen biết, tìm hiểu và yêu nhau được khoảng 03 (ba) tháng thì tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Gia K, huyện Thống N, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/11/2009.

Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng 01 (một) năm đầu thì mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát sinh. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T không đi làm để tạo lập kinh tế gia đình và không có trách nhiệm với vợ con. Ngoài ra, chị Tr còn “nghe ngò” anh T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác (nhưng chị Tr không có bằng chứng để cung cấp cho Tòa án). Mặc dù chị Tr có khuyên anh T thay đổi nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng vào khoảng cuối năm 2014 nên chị Tr đã đem con về sống bên nhà cha mẹ đẻ của chị Tr được khoảng 08 (tám) tháng và nộp đơn ly hôn đến Tòa án. Tuy nhiên, sau khi được Tòa án và hai bên gia đình hòa giải, chị Tr đã rút đơn khởi kiện và Tòa án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án.

Sau khi vợ chồng về chung sống với nhau thì chị Tr mang thai đứa con thứ hai nhưng anh T lại “bỏ mặc” không quan tâm và thường xuyên “đi sớm về trễ”, vì thương các con nên chị Tr đã cố gắng “nhẫn nhịn”. Đến khoảng giữa năm 2017, anh T bị Tòa án xử phạt 09 (chín) tháng tù giam về tội “Gây rối trật tự công cộng”, nhưng chị Tr vẫn thường xuyên thăm nom và lo lắng cho anh T. Tuy nhiên, sau khi anh T chấp hành án về thì tính tình vẫn không thay đổi, mỗi lần vợ chồng xảy ra mâu thuẫn anh T lại đánh chị Tr (nhưng không để lại thương tích). Đến khoảng tháng 9/2019, chị Tr lại nộp đơn ly hôn đến Tòa án nhưng vì là người theo đạo Công giáo và cha mẹ hai bên khuyên bảo nên chị Tr lại rút đơn về (lần này chị Tr chưa nộp tiền tạm ứng án phí) nhưng hạnh phúc vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được và tình cảm vợ chồng không còn nên chị Tr quyết định nộp đơn khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Duy T.

- Về con chung: Theo chị Tr, vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Duy T1, sinh ngày 08/11/2010 và cháu Nguyễn Trúc Q, sinh ngày 22/12/2015. Khi ly hôn, chị Tr yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung. Chị Tr không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị Sơn Tr khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Nguyễn Duy T vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.*

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:***

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, cả nguyên đơn và bị đơn đều không đến tham dự phiên tòa, tuy nhiên nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn mặc dù đã được triệu

tập hợp lệ lần thứ hai những vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự;

- *Về nội dung vụ án:*

+ Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Sơn Tr được ly hôn với anh Nguyễn Duy T;

+ Về con chung: Giao cho chị Tr nuôi dưỡng hai con chung là cháu Nguyễn Duy T1, sinh ngày 08/11/2010 và cháu Nguyễn Trúc Q, sinh ngày 22/12/2015. Chị Tr không yêu cầu cấp dưỡng nên không xét.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị Tr không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

+ Về án phí: Chị Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn - chị Phạm Thị Sơn Tr có yêu cầu ly hôn và tranh chấp về người trực tiếp nuôi hai con chung với bị đơn - anh Nguyễn Duy T. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định anh T hiện đang cư trú tại xã Gia K, huyện Thống N, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc xét xử vắng mặt các đương sự:* Tại phiên tòa hôm nay, chị Phạm Thị Sơn Tr vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Duy T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai những vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

#### **[2] Về nội dung vụ án:**

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phạm Thị Sơn Tr và anh Nguyễn Duy T tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Gia K, huyện Thống N, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/11/2009 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

*Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Sơn Tr, nhận thấy:* Chị Tr xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, chị Tr và anh T đã không còn sống chung với nhau, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ

và cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình; mặc dù sự việc này không được anh T thừa nhận nhưng trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải để kêu gọi vợ chồng về đoàn tụ gia đình nhưng anh T đều vắng mặt thể hiện anh T không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị Tr. Xét mâu thuẫn giữa chị Tr và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị Tr là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] *Về con chung*: Chị Tr và anh T có 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Duy T1, sinh ngày 08/11/2010 và cháu Nguyễn Trúc Q, sinh ngày 22/12/2015.

*Xét yêu cầu của chị Phạm Thị Sơn Tr khi ly hôn được trực tiếp nuôi hai con chung, nhận thấy*: Yêu cầu của chị Tr phù hợp với nguyện vọng của con chung; do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con trẻ, Hội đồng xét xử xét cần giao hai con chung cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] *Về cấp dưỡng*: Chị Tr hiện có nơi ở, công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để chăm sóc cho các con chung. Mặc dù đã được Tòa án giải thích pháp luật về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng chị Tr vẫn không yêu cầu nên tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Tr không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] **Về án phí**: Chị Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] **Về quyền kháng cáo**: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử**: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - chị Phạm Thị Sơn Tr.

1. *Về hôn nhân*: Xử cho chị Phạm Thị Sơn Tr và anh Nguyễn Duy T được ly hôn.

## *2. Về con chung:*

2.1 Giao cháu Nguyễn Duy T1, sinh ngày 08/11/2010 và cháu Nguyễn Trúc Q, sinh ngày 22/12/2015 cho chị Phạm Thị Sơn Tr được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

2.2 Anh Nguyễn Duy T được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Tạm thời anh Nguyễn Duy T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Phạm Thị Sơn Tr không yêu cầu.

3. *Về án phí:* Chị Phạm Thị Sơn Tr phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0007994 ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị Tr đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

### *Nơi nhận:*

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- CC THADS huyện Thống Nhất;
- UBND xã Gia K, huyện Thống Nhất;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Đỗ Thị Thùy Trang**